

THE HORSE AS A CULTURAL SYMBOL: A GLOBAL AND VIETNAMESE PERSPECTIVE

Le Thi Thao

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: lethithao@dvtdt.edu.vn

Received: 15/11/2025

Reviewed: 16/11/2025

Revised: 28/11/2025

Accepted: 15/10/2026

Released: 20/10/2026

This paper examined the transformation and adaptation of the horse symbol from global cultural contexts into Vietnam. While Western and nomadic cultures associate the horse with military power, conquest, and knightly status, in Vietnam it underwent profound localization. From a 'war horse' linked to national heroes, it entered the spiritual realm of agrarian society, becoming a sacred figure in folk beliefs and the artistic heritage of temples, pagodas, and communal houses. The study highlighted how the Vietnamese internalize universal values, enriching national cultural identity and contributing to the global heritage discourse.

Keywords: Horse; Cultural heritage; Cultural adaptation.

1. Giới thiệu

Trong lịch sử văn minh nhân loại, con ngựa không chỉ hiện diện như một thực thể vật chất đồng hành cùng quá trình sinh tồn, mà còn được mã hóa thành một "hệ điều tiết" văn hóa quan trọng, phản ánh những nấc thang phát triển của tư duy con người. Từ vai trò là sức mạnh cơ bắp trong các cuộc chinh phạt vĩ đại đến khi trở thành linh vật trong các không gian thờ tự uy nghiêm, biểu tượng ngựa luôn chứa đựng những thông điệp đa tầng về quyền lực, tâm linh và triết lý nhân sinh. Tuy nhiên, sự di chuyển của biểu tượng này qua các không gian địa - văn hóa khác nhau không bao giờ là một quá trình tiếp nhận đơn nhất. Ngược lại, nó luôn chịu sự chi phối của quy luật tiếp biến, nơi mỗi dân tộc sẽ dựa trên nền tảng tâm thức bản địa để thực hiện các thao tác "lọc" và "tái cấu trúc" ý nghĩa.

Tại Việt Nam, hình tượng ngựa không xuất hiện nhiều, có thể do không phải là địa bàn nguyên sản của các giống ngựa lớn như vùng Trung Á hay Bắc Á, và vai trò của ngựa trong đời sống nông nghiệp vốn chiếm ưu thế trong lịch sử văn hóa Việt Nam khá mờ nhạt, nhưng người Việt sớm kiến tạo nên một không gian biểu tượng ngựa khá đặc thù. Điều này đặt ra một vấn đề nghiên cứu: Làm thế nào một biểu tượng có tính quốc tế mạnh mẽ như con ngựa lại có thể dung hòa và bồi đắp cho những giá trị nội sinh cốt lõi của người Việt? Và trong dòng chảy giao thoa đó, đâu là những điểm tiếp nhận từ thế giới, đâu là những sáng tạo riêng biệt mang tính bản sắc của văn hóa Việt?

Nghiên cứu này không tham vọng liệt kê toàn bộ diện mạo của hình tượng ngựa trong mỹ thuật hay lịch sử - văn hóa, mà tập trung vào việc giải mã biểu tượng ngựa dưới lăng kính văn hóa học đối sánh. Thông qua việc đặt con ngựa trong tương quan giữa các nền văn minh thế giới và không gian văn hóa Việt, bài viết hướng tới việc nhận diện những biến chuyển về mặt ý nghĩa: từ tinh thần "chinh phục" ngoại cảnh sang triết lý "vệ quốc", từ "sức mạnh bản năng" sang "trật tự đạo đức". Việc làm sáng tỏ tính tiếp biến và sức sống nội sinh của biểu tượng ngựa không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận trong nghiên cứu biểu tượng học, mà còn góp phần nhận diện sâu sắc hơn bản lĩnh văn hóa của dân tộc Việt Nam trong quá trình hội nhập và bảo tồn di sản văn hóa hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Hoạt động văn hóa tâm linh tại các ngôi chùa ở Việt Nam đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu trên thế giới, các công trình kinh điển đã xây dựng nền tảng lý thuyết vững chắc về biểu tượng học. Đáng chú ý nhất là cuốn *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* của Jean Chevalier và Alain Gheerbrant [8]. Các tác giả đã giải mã ngựa như một biểu tượng của năng lượng bản năng, tốc độ và sự chuyển giao giữa các tầng thế giới, đồng thời chỉ ra sự khác biệt giữa "ngựa mặt trời" và "ngựa âm phủ" trong thần thoại Hy Lạp, Bắc Âu. Bên cạnh đó, các nghiên cứu của Carl Jung về cô mẫu¹ [9] đã đặt nền móng cho việc phân tích hình tượng ngựa dưới góc độ tâm lý học chiều sâu, coi đó là sự phản chiếu của năng lượng sống và những xung đột nội tại của con người. Trong lĩnh vực mỹ thuật học, các nghiên cứu về tượng kỵ sĩ của các học giả phương Tây cũng đã làm rõ vai trò của con ngựa trong việc kiến tạo quyền lực quân chủ và sự thống trị chính trị.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về con ngựa thường nằm trong dòng chảy của nghiên cứu linh vật và biểu tượng nghệ thuật truyền thống. Các học giả như Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Huê trong *Kho tàng thần thoại Việt Nam* đã thống kê và phân tích các huyền thoại liên quan đến ngựa [5]. Về khía cạnh mỹ thuật và di sản, các công trình của Trần Lâm Biền về [1] [2] hay Nguyễn Du Chi [3] đã đi sâu vào đặc điểm tạo hình của ngựa trong các di tích, qua đó chỉ ra sự giản dị, hiền hòa của ngựa Việt so với các mẫu hình ngoại lai. Một số công trình nghiên cứu mỹ thuật học di sản văn hóa của các tác giả như Đào Hữu Đạt cũng đề cập đến hệ thống tượng ngựa trong các lăng mộ quận công và di tích khác, đặc biệt trong thời Lê trung hưng [4]. Tác giả Trần Văn Sáng lại đề cập đến biểu tượng ngựa trong khía cạnh ngôn ngữ học [6].

Nhìn chung, các nghiên cứu đi trước đã cung cấp một bức tranh khá chi tiết về diện mạo con ngựa trong từng bối cảnh riêng lẻ. Tuy nhiên, dường như vẫn thiếu vắng những công trình thực hiện thao tác đối sánh xuyên văn hóa một cách hệ thống giữa mô hình thế giới và không gian Việt Nam để chỉ ra quy luật tiếp biến. Đa số các nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc mô tả hoặc phân tích ý nghĩa độc lập, chưa làm nổi bật được sự chuyển dịch về mặt giá trị: tại sao cùng một thực thể "ngựa" nhưng lại mang sắc thái "chinh phục" ở phương Tây và "vệ quốc, hiếu nghĩa" ở Việt Nam? Kế thừa thành tựu của các tác giả đi trước, bài viết này lựa chọn hướng tiếp cận văn hóa học đối sánh để làm rõ sức sống nội sinh và bản lĩnh Việt trong việc tái cấu trúc một biểu tượng mang tính toàn cầu.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng cách tiếp cận văn hóa học và nhân học biểu tượng nhằm xem xét con ngựa không chỉ như một đối tượng mỹ thuật đơn thuần, mà còn là một thực thể văn hóa đa tầng, chứa đựng những thông điệp về thế giới quan và cấu trúc xã hội của nhân loại. Đồng thời, việc kết hợp với cách tiếp cận khu vực học giúp đặt biểu tượng ngựa trong dòng chảy giao thoa văn hóa giữa Việt Nam và các nền văn minh lớn, từ đó nhận diện rõ nét quy luật tiếp biến và những phản ứng bản địa hóa trong quá trình tiếp nhận các giá trị ngoại lai.

Về phương pháp cụ thể, bài viết sử dụng phương pháp đối sánh văn hóa làm trục xương sống để phân tích sự tương đồng và dị biệt giữa các mô hình biểu tượng thế giới và Việt Nam. Song song với đó, phương pháp phân tích cấu trúc biểu tượng được sử dụng để giải mã các lớp nghĩa sâu kín thông qua các yếu tố tạo hình như màu sắc, tư thế và các điển tích thần thoại đặc trưng. Cuối cùng, để củng cố tính thực tiễn, phương pháp nghiên cứu di sản được thực hiện qua việc khảo sát các hiện vật thực tế như hệ thống tượng ngựa đá, ngựa gỗ tại các di tích tiêu biểu để minh chứng cho quá trình chuyển hóa từ một biểu tượng ngoại lai thành một linh vật Việt đầy tính nhân văn.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Ý nghĩa biểu tượng của ngựa trong các nền văn hóa trên thế giới

- Biểu tượng của kẻ dẫn độ linh hồn và cầu nối giữa các thế giới

¹ Cô mẫu: những hình ảnh, mô típ hoặc biểu tượng mang tính phổ quát, thuộc về "vô thức tập thể" (collective unconscious) của nhân loại

Hình ảnh của ngựa trong nghệ thuật bắt đầu từ rất lâu trước khi chữ viết được phát minh. Những bằng chứng khảo cổ tại hang Lascaux (Pháp) hay Altamira (Tây Ban Nha) cho thấy ngựa là loài vật xuất hiện phổ biến nhất trong các bức họa của người Paleolithic, chiếm hơn một phần ba tổng số tác phẩm nghệ thuật hang động được tìm thấy [12]. Những nghệ nhân thời băng hà đã sử dụng bột màu tự nhiên và than chì để tái hiện các đàn ngựa hoang với sự chính xác đáng ngạc nhiên về giải phẫu và chuyển động [13]. Sự hiện diện dày đặc này gợi mở về một niềm tin tâm linh sơ khai: ngựa có thể là đối tượng của các nghi lễ "ma thuật săn bắn", nơi việc vẽ hình con vật lên vách đá được tin rằng sẽ mang lại sự bảo hộ từ thần linh hoặc đảm bảo sự thành công cho các cuộc săn đuổi [11].

Bên cạnh đó, trong tư duy huyền thoại của nhiều nền văn hóa trên thế giới, con ngựa không đơn thuần là một phương tiện di chuyển vật lý mà được tôn vinh như một vật cưỡi siêu nhiên sở hữu năng lực đặc biệt trong việc xuyên ranh giới giữa sự sống và cái chết. Với bản chất của một "kẻ dẫn độ linh hồn", ngựa đóng vai trò là thực thể trung gian đưa tiễn người quá cố sang thế giới bên kia hoặc hỗ trợ các thầy pháp (Shaman) trong các trạng thái xuất thần để du hành vào những cõi giới vô hình. Khả năng vượt ngưỡng này thường gắn liền với biểu tượng của nước, vách đá hay hang động - những thực thể được xem là biên giới tự nhiên ngăn cách giữa thế giới người sống và cõi âm.

Sự hiện diện của "vật cưỡi tâm linh" này được minh chứng đậm nét qua các nền văn hóa đa dạng. Trong thế giới quan Bắc Âu và Germanic, thần Odin cưỡi con ngựa tám chân Sleipnir có khả năng di chuyển linh hoạt giữa thiên đường chiến binh Valhalla và địa ngục Niflhel. Đồng thời, các nữ thần chiến tranh Valkyrie cũng cưỡi ngựa bay lượn trên chiến trường để tuyển chọn những linh hồn tử sĩ. Ngược lại, hình ảnh Helhest - con ngựa ba chân báo hiệu bệnh tật và tử khí trong văn hóa Đan Mạch - lại phản ánh một khía cạnh đáng sợ hơn của cõi chết. Tục lệ chôn cất ngựa cùng chủ nhân trong các gò mộ hay mộ thuyền của người Viking chính là sự hiện thực hóa niềm tin về việc đảm bảo phương tiện và vị thế cho người chết ở kiếp sau. Tại Hy Lạp cổ đại, mối liên kết giữa ngựa và nước được khẳng định qua thần biển Poseidon - cha của loài ngựa, với những thực thể như Arion mang sắc màu tóe và khả năng tiên báo điềm gở, minh chứng cho sự gắn kết chặt chẽ giữa ngựa với cõi âm ti.

Đối với văn hóa Trung Á và Shaman giáo, con ngựa đóng vai trò là "linh hồn hộ mệnh" đưa thầy pháp bay lên trời hoặc xuống địa ngục trong các nghi lễ huyền bí. Hình ảnh chiếc trống bọc da ngựa, được ví như "ngựa của thầy pháp", với âm thanh mô phỏng tiếng vó ngựa, chính là phương tiện đưa họ thâm nhập vào cõi thần linh.

Dưới góc độ tôn giáo và tâm lý học, hình tượng ngựa tiếp tục mang những lớp nghĩa biểu tượng sâu xa. Trong Kitô giáo, kỵ sĩ cưỡi ngựa nhợt nhạt (Pale Horse) - một trong bốn kỵ sĩ Khải huyền - là hiện thân của cái chết với sắc thái gợi liên tưởng đến màu xác chết. Trong khi đó, nhà tâm lý học Carl Jung giải mã hình tượng con ngựa trong giấc mơ như sự đại diện cho phần vô thức và bản năng phi nhân tính [9]. Đặc biệt, "ngựa đen" hay "ngựa đêm" thường được xem là điềm báo của ma thuật và sự kết thúc của sự sống. Tóm lại, con ngựa không chỉ là một sinh vật thờ hàng mà là một "phương tiện tâm linh", một cầu nối không thể thiếu giúp con người vượt qua nỗi sợ hãi bản năng trước cái chết, bảo đảm sự liên tục của tồn tại trong tâm thức văn hóa nhân loại.

- Biểu tượng của quyền lực, chiến tranh và địa vị xã hội

Xuyên suốt lịch sử nghệ thuật phương Đông và phương Tây, ngựa luôn là biểu tượng gắn liền với sức mạnh quân sự và quyền uy của giai cấp thống trị. Trong các nền văn minh như Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, ngựa gắn liền với các cỗ chiến xa, trở thành biểu tượng của tầng lớp quý tộc và quyền lực hoàng gia. Các bức phù điêu và tranh tường trong hầm mộ Ai Cập thường mô tả các pharaon trên những cỗ xe ngựa oai hùng, khẳng định vị thế "con của thần linh" và khả năng thống trị của mình. Ở phương Tây cổ đại, bức tượng kỵ sĩ (tiêu biểu là tượng kỵ sĩ Marcus

Aurelius²) đã được sử dụng như một phương thức tuyên truyền về quyền lực đế quốc và vai trò lãnh đạo tối thượng. Truyền thống này kéo dài đến thời Phục hưng³ và các nền quân chủ, nơi hình ảnh quân chủ cưỡi ngựa như Louis XIV⁴ (Pháp) hay Charles I⁵ (Anh) biểu thị sự vĩ đại và khả năng kiểm soát quốc gia. Ngay cả Nữ hoàng Elizabeth I của Anh cũng sử dụng hình ảnh cưỡi ngựa duyệt binh để khẳng định quyền lực chính trị và quân sự, tự ví mình có "trái tim và dạ dày của một vị vua" nhằm xác lập vị thế của một nữ vương trong thế giới nam trị⁶ [7].

Trong bối cảnh chiến tranh ở phương Tây thời cổ trung đại, ngựa là phương tiện thiết yếu cho mọi cuộc chinh phục. Nội dung Kinh Thánh của Ki-tô giáo đề cập đến hình ảnh bốn Kỵ sĩ Khải huyền mang những sắc thái biểu tượng kinh điển: ngựa trắng (chinh phục), ngựa đỏ (chiến tranh), ngựa đen (nạn đói) và ngựa xanh nhạt (cái chết). Những ý nghĩa biểu tượng này gợi đến một logic nhân quả tàn khốc, trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho các họa sĩ để phản chiếu những nỗi sợ hãi về sự diệt vong và lời cảnh báo về đạo đức nhân loại. Đối với đế chế Mông Cổ, vó ngựa và cánh cung là công cụ chinh phục thế giới, nơi con ngựa được tôn vinh là "đôi cánh" của người du mục. Trong kỷ nguyên công nghiệp và hiện đại, hình tượng con ngựa đã có một cuộc chuyển dịch từ vai trò thực thể sinh học sang biểu tượng của sức mạnh cơ khí và đẳng cấp thượng lưu trên các phương tiện giao thông. Việc kế thừa khái niệm "mã lực" làm đơn vị đo lường công suất động cơ đã tạo tiền đề cho sự thống trị của linh vật này trong hệ thống nhận diện thương hiệu của các hãng xe hàng đầu thế giới. Điển hình là biểu tượng "ngựa chồm" của Ferrari, vốn là di sản từ phù hiệu của phi công anh hùng Francesco Baracca trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất, biểu thị cho năng lượng bùng nổ, sự kiêu hãnh và tốc độ tuyệt đối. Tương tự, hãng Porsche đã khéo léo tích hợp hình ảnh con ngựa đen từ huy hiệu thành phố Stuttgart vào logo của mình như một sự khẳng định về di sản văn hóa và độ tin cậy của kỹ thuật Đức. Trong khi đó, tại Mỹ, hình tượng ngựa hoang đang phi nước đại của Ford Mustang lại đại diện cho tinh thần tự do, phóng khoáng và bản sắc văn hóa thảo nguyên không bị kiểm tỏa. Sự hiện diện của hình tượng ngựa trên các phương tiện giao thông hiện đại không chỉ đơn thuần mang tính trang trí mà còn đóng vai trò là một "ký hiệu văn hóa" định danh đẳng cấp, sức mạnh và khát vọng chinh phục không gian của con người trong thời đại công nghệ.

² Bức tượng kỵ sĩ được coi là nổi bật nhất của thời La Mã cổ đại còn sót lại là tượng kỵ sĩ Marcus Aurelius bằng đồng, dựng lên vào khoảng cuối thế kỷ II Sau Công nguyên. Trong lịch sử đã từng bị nhầm là tượng Hoàng đế Constantine. Con ngựa được tạc với tỷ lệ hiện thực đáng kinh ngạc, cơ bắp căng tràn, một chân trước nhấc cao tạo sự chuyển động. Bức tượng này đã trở thành mẫu mực cho hầu hết các tượng kỵ sĩ phương Tây sau này. Bản gốc được lưu giữ tại Bảo tàng Capitoline, bản sao chính xác bằng đồng được đặt tại vị trí trung tâm của Quảng trường Campidoglio (Ý).

³ Thời Phục hưng, đáng chú ý là tượng kỵ sĩ Gattamelata của Donatello (Padua, Ý) bằng đồng, được hoàn thành vào năm 1453. Con ngựa được đúc và chạm khắc một cách to lớn, vững chãi, chân trước đặt lên một quả cầu gỗ (ban đầu nhằm mục đích kỹ thuật để hỗ trợ trọng lượng, nhưng sau đó trở thành biểu tượng của sự thống trị thế giới).

⁴ Tượng Louis XIV cưỡi ngựa của Bernini (năm 1670) được tạc trong tư thế con ngựa đang chồm lên chỉ bằng hai chân sau. Áo choàng của nhà vua và bờm ngựa tung bay dữ dội như trong một cơn bão. Ngựa lồng tượng trưng cho sự hỗn loạn của thiên nhiên và vương quốc, hành động cưỡi ngựa điềm tĩnh của nhà vua biểu thị quyền kiểm soát tuyệt đối của người đứng đầu quốc gia đối với mọi biến động.

⁵ Tượng kỵ sĩ vua Charles I được thực hiện bởi điêu khắc gia người Pháp Hubert Le Sueur vào khoảng năm 1633. Đây là giai đoạn đỉnh cao của tư tưởng "Quyền lợi thiêng liêng của các vị vua" mà Charles I là một đại diện tiêu biểu. Sau khi Charles I bị xử tử trong cuộc Nội chiến Anh, chính quyền Nghị viện của Oliver Cromwell đã ra lệnh phá hủy và bán bức tượng cho một người thợ rèn để nấu chảy làm cán dao. Tuy nhiên, người thợ rèn này đã bí mật chôn giấu bức tượng dưới lòng đất. Sau khi chế độ quân chủ được khôi phục (Restoration), bức tượng được đào lên và dựng lại tại Charing Cross vào năm 1675.

⁶ Trong cuộc đối đầu với Hạm đội quân Tây Ban Nha năm 1588, khi quân đội Anh tập hợp tại Tilbury để chờ đợi một cuộc đổ bộ của đối phương, Nữ hoàng Elizabeth I đã xuất hiện trước quân sĩ không phải trong trang phục cung đình lộng lẫy, mà khoác trên mình một tấm giáp che ngực bằng bạc, tay cầm quyền trượng và ngồi trên lưng một con ngựa chiến. Trong bài diễn văn nổi tiếng tại đây, bà đã tuyên bố: "Tôi biết mình có thân xác của một người phụ nữ yếu đuối; nhưng tôi có trái tim và dạ dày của một vị vua, và hơn thế nữa, của một vị vua nước Anh".

- Biểu tượng của sự tự do, bản năng và năng lượng sống

Theo các nhà phân tâm học như Carl Jung và Sigmund Freud, con ngựa là hiện thân của phần "phi nhân tính" (non-human psyche) hay phần "dưới con người" (sub-human) trong cấu trúc tâm trí. Jung coi ngựa là một cổ mẫu đại diện cho năng lượng bản năng nguyên thủy mà con người văn minh luôn nỗ lực kiểm soát [9]. Đặc tính thấu thị của ngựa trong dân gian – khả năng nghe thấy những âm thanh và nhìn thấy những thực thể vô hình – chính là sự ẩn dụ cho nhạy cảm của vô thức trước những điềm báo mà lý trí khó lòng nhận diện.

Sự xung đột giữa lý trí và bản năng được minh họa sâu sắc thông qua hình tượng Nhân mã hay cỗ xe tâm hồn trong tác phẩm Phaedrus của Plato. Ở đó, linh hồn được dẫn dắt bởi hai con ngựa tương phản: con ngựa trắng đại diện cho những phẩm tính cao thượng và con ngựa đen biểu trưng cho dục vọng bản năng. Nếu sự hòa hợp giữa người cưỡi (cái Tôi/lý trí) và vật cưỡi (vô thức) tạo nên sự thăng hoa của tinh thần, thì sự hoảng loạn (panic) của con ngựa lại báo hiệu một sự hủy diệt do mất kiểm soát.

Jung còn cho rằng ngựa đại diện cho sức mạnh vật lý và khao khát tính dục không bị kiềm tỏa [9]. Sự liên kết giữa hành vi cưỡi ngựa và hoạt động tình dục không chỉ tồn tại trong ngôn ngữ mà còn hiện diện trong văn hóa dân gian nhiều dân tộc, bao gồm cả Việt Nam, khi các ẩn dụ về ngựa thường được dùng để ám chỉ những năng lượng phồn thực mạnh mẽ.

Sức mạnh này còn được củng cố bởi sự liên kết với các nguyên tố tự nhiên như Lửa và Gió. Từ đôi mắt sáng như mặt trời của ngựa thần Indra đến khái niệm "Ngựa gió" (Wind Horse) của Tây Tạng, con ngựa luôn được định vị là thực thể của tốc độ và sự bùng nổ. Chính tính chất của lửa và gió đã nhấn mạnh đặc tính khó nắm bắt, mãnh liệt của nguồn năng lượng sống mà con ngựa đại diện, biến nó thành một "động cơ" thúc đẩy con người tiến về phía trước trong hành trình sinh tồn.

Vượt ra ngoài những ràng buộc của tâm lý học, ngựa là hiện thân tối cao của khát vọng phá vỡ xiềng xích để trở về với trạng thái tự nhiên thuần khiết. Trong nghệ thuật Lãng mạn thế kỷ XVIII-XIX, các nghệ sĩ như Géricault hay Delacroix đã sử dụng hình tượng ngựa hoang như một phương thức biểu đạt cảm xúc mãnh liệt, đối lập hoàn toàn với trật tự xã hội gò bó của thời đại công nghiệp. Hình ảnh ngựa Mustang tại miền Tây nước Mỹ hay chó thần (Holy Dog) trong văn hóa bản địa Bắc Mỹ đã trở thành biểu tượng kinh điển cho sự giải phóng không gian và lãnh thổ.

Các tác phẩm hội họa bậc thầy như The Horse Fair của Rosa Bonheur hay Whistlejacket của George Stubbs đã tôn vinh vẻ đẹp giải phẫu và sức mạnh cơ bắp của loài ngựa trong trạng thái tự do nhất – khi con vật lồng lộn hay khi mọi bối cảnh con người bị lược bỏ. Đỉnh cao của biểu tượng này chính là sự thăng hoa trong các huyền thoại về ngựa bay như Pegasus⁷ hay ngựa sắt của Thánh Gióng; tại đây, con ngựa không còn là vật thờ hàng mà là một "phương tiện tâm linh", đưa con người vượt qua mọi giới hạn trần thế để đạt tới sự tự do tuyệt đối trong tâm thức.

- Biểu tượng của thành công, tài lộc và may mắn

Sự thiết lập con ngựa làm biểu tượng của thành công và tài lộc bắt nguồn từ năng lực vận hành hiệu quả trong đời sống thực tế. Với đặc tính tốc độ và sự bền bỉ của một "thiên lý mã", ngựa giúp con người rút ngắn khoảng cách trong giao thương và truyền tin, tạo ra ưu thế vượt trội về hiệu suất công việc. Dưới góc độ triết học phương Đông, ngựa (Ngọ) thuộc hành Hỏa, mang tính Dương cường, tượng trưng cho mặt trời và sức sống mãnh liệt. Chính nguồn năng lượng dương khí này được tin là động lực thúc đẩy sự sinh sôi, nảy nở và phát triển không ngừng. Hơn nữa, trong suốt tiến trình lịch sử, việc sở hữu những giống ngựa quý luôn là đặc quyền của giai tầng thống trị, biến loài vật này thành một "thước đo" vật chất cho sự giàu sang và đẳng cấp xã hội.

⁷ Pegasus: Trong thần thoại Hy Lạp là chú ngựa có cánh sinh ra từ máu của Medusa, tượng trưng cho sự bất tử, cảm hứng thi ca và sức mạnh của bầu trời.

Trong nghệ thuật phong thủy, hình tượng Bát Mã (tám con ngựa) gắn liền với điển tích Bát Tuần Đồ của Chu Mục Vương⁸, mang lại sự ấm no cho bách tính. Việc sử dụng số lượng tám (Bát) – đồng âm với "Phát" trong tiếng Hán - càng củng cố vị thế của ngựa như một linh vật chiêu tài, phát lộc. Sự thăng tiến trong sự nghiệp còn được biểu đạt qua hình tượng "Mã thượng phong hầu", sử dụng thủ pháp đồng âm giữa con khi (Hầu) và tước Hầu để gửi gắm khát vọng đạt được địa vị cao sang một cách tức thời.

Mặc dù cùng tôn vinh loài ngựa, song cách tiếp cận khái niệm "thành công" có sự khác biệt rõ nét giữa hai nền văn hóa. Mỹ thuật phương Tây thường đồng nhất thành công với quyền lực và sự thống trị. Thành công được đo lường bằng khả năng kiểm soát con vật, nâng cao vị thế của người cai trị trên các tượng kỵ sĩ như Marcus Aurelius hay Louis XIV. Ngược lại, văn hóa phương Đông coi trọng khía cạnh tài lộc và vận may. Ngựa được xem là "Lộc Mã", một công cụ kích hoạt dòng chảy tài chính và sự thuận lợi trong kinh doanh.

- *Biểu tượng của lòng trung thành, trí tuệ và sự giác ngộ*

Lòng trung thành là đặc tính đạo đức nổi bật nhất gắn liền với hình tượng ngựa trong cả văn hóa phương Đông và phương Tây. Trong điển tích Phật giáo, hình tượng ngựa Kiền Trắc đại diện cho sự tận hiến vô điều kiện khi đồng hành cùng Thái tử Tất Đạt Đa trong "cuộc ra đi vĩ đại". Cái chết của Kiền Trắc sau khi rời xa chủ nhân không chỉ là một chi tiết cảm động mà còn là biểu tượng của lòng trung nghĩa son sắt, dẫn đến sự tái sinh ở cõi trời. Trong văn hóa Phật giáo, ngựa Kiền Trắc là biểu tượng của sự tận tụy, trung thành và nỗ lực thực hành pháp. Hình ảnh con ngựa trắng không người cưỡi thường xuất hiện trong nghệ thuật tranh tượng để đại diện cho sự hiện diện của Đức Phật sau khi Ngài đã đạt được giải thoát, để lại sau lưng mọi phương tiện vật chất của thế gian. Tại Trung Hoa, lòng trung nghĩa của ngựa gắn liền với tinh thần thượng võ và bảo vệ quốc gia, tiêu biểu như hình ảnh Ngựa sắt của Thánh Gióng. Trong thực hành tín ngưỡng dân gian, việc thờ cúng cặp ngựa Bạch - Xích tại các đền miếu chính là sự tôn vinh vai trò "hành giả phục vụ" tận tụy đối với thần thánh.

Vượt ra khỏi ý niệm về sức mạnh cơ bắp, con ngựa còn đại diện cho trí tuệ và khả năng dẫn dắt hành giả đến với tri thức. Thần thoại Hy Lạp khắc họa điều này qua hình tượng nhân mã Chiron – bậc thầy về y học, âm nhạc và thi ca, biểu trưng cho sự hòa quyện hoàn hảo giữa năng lực tự nhiên và trí tuệ văn minh. Trong Ấn Độ giáo và Phật giáo, vị thần Mã Đầu Minh Vương (Hayagriva) với đầu ngựa trên đỉnh là hiện thân của trí thức tối cao và quyền năng nhiếp phục chướng ngại. Đặc biệt, khái niệm "Ngựa gió" (Wind Horse/Lung-ta) trong văn hóa Tây Tạng ẩn dụ cho việc kiểm soát tâm trí và khí lực (prana). Tại Việt Nam, vai trò "trí tuệ bảo hộ" được thể hiện rõ nét qua truyền thuyết thần Bạch Mã hiển linh chỉ dẫn long mạch xây thành Thăng Long, nâng tầm loài ngựa trở thành vị thần của địa lý và phong thủy, người giữ chìa khóa cho sự bền vững của vương triều.

Ngựa còn được coi là "phương tiện tinh thần" đưa con người tới bến bờ giác ngộ. Nếu ngựa Kiền Trắc là nhân tố khởi đầu cho hành trình tâm đạo của Đức Phật, thì trong kinh điển, Ngài đã sử dụng ẩn dụ về "Bốn loại ngựa" (Kinh *Gây thúc ngựa*) để phân loại căn tính và sự nhạy bén của tâm thức trước lẽ vô thường. Hình ảnh này nhấn mạnh rằng sự giác ngộ bắt nguồn từ khả năng thức tỉnh của nội tâm tương tự như một con ngựa hay phản ứng trước bóng roi của người cầm lái⁹.

⁸ *Bát Tuần Đồ* kể về tám con ngựa quý của Chu Mục Vương, được đặt tên theo đặc điểm thần kỳ như chạy không chạm đất, bay nhanh như chim. Chu Mục Vương thường ngồi xe tám ngựa này đi tuần du thiên hạ để thị sát đời sống nhân dân, mang lại thái bình và ấm no. Hình ảnh này trở thành biểu tượng phong thủy của sự đoàn kết, thịnh vượng và tin vui thắng lợi trở về.

⁹ Trong *Kinh Gây Thúc Ngựa* (Samvegano Sutta), Đức Phật mượn hình ảnh sự nhạy bén của con ngựa trước roi của người đánh xe để phân loại bốn hạng người trên hành trình giác ngộ:

Hạng thứ nhất (Thấy bóng roi đã chạy): Người chỉ cần nghe tin có người ở xa đang chịu khổ đau, bệnh tật hay qua đời đã lập tức tỉnh ngộ, nhận ra lẽ vô thường và lo tu tập.

Hơn thế nữa, trong vai trò là kẻ dẫn độ linh hồn, ngựa giúp con người vượt qua nỗi sợ hãi bản năng về cái chết để hướng tới sự siêu thoát. Tục hóa vàng mã ngựa trong văn hóa Việt Nam hay việc đặt tượng ngựa đá tại các lăng mộ thời Lê Trung hưng chính là sự gửi gắm khát vọng về một phương tiện tâm linh giúp linh hồn di chuyển thuận lợi và an yên trong cõi vĩnh hằng.

4.2. Ý nghĩa biểu tượng của ngựa trong nền văn hóa Việt Nam và sự đối sánh với thế giới

- Sự tiếp biến biểu tượng về chiến tranh, sức mạnh và sự thành đạt

Trong lĩnh vực quân sự, hình tượng con ngựa phản ánh sự khác biệt căn bản trong tư duy chính trị giữa Việt Nam và thế giới. Nếu như ở phương Tây thường khắc họa ngựa như biểu tượng của quyền lực, sức mạnh và sự chinh phục, thì ở Việt Nam, con ngựa trong tâm thức dân gian thường gắn liền với tinh thần vệ quốc và sự nghiệp giữ nước. Điển hình nhất là hình tượng ngựa sắt của Thánh Gióng – biểu tượng của sức mạnh nội sinh, bùng phát khi đất nước có ngoại xâm. Tại Việt Nam, con ngựa được nhân hóa như một hành giả mang phẩm chất của người quân tử: tận trung, tiết nghĩa. Hình tượng này thấm đẫm trong các câu chuyện về ngựa của các danh tướng, nơi con ngựa được coi là một thành viên của cộng đồng chiến đấu, có linh hồn và được thờ tự như một vị hộ pháp tại các không gian tâm linh làng xã. Các chiến mã danh tiếng trong truyền thuyết của người Việt như Bạch Long Câu của Trần Hưng Đạo hay Nê Thông của vua Quang Trung được tôn vinh nhờ lòng trung thành tuyệt đối và tốc độ thần tốc giúp chủ tướng giải phóng đất nước.

Trong dòng chảy thần thoại, biểu tượng ngựa còn thể hiện rõ tính tổng hòa (Việt Nam) đối sánh với tính riêng biệt và kỳ ảo (phương Tây). Ở phương Tây, con ngựa thường xuất hiện với những hình thái phi phạm nhằm biểu đạt những khát vọng hoặc nỗi sợ của con người. Đó là ngựa Pegasus (Hy Lạp) với đôi cánh trắng muốt – biểu tượng của sự thăng hoa trong nghệ thuật và tư tưởng thi ca; hay ngựa Sleipnir (Bắc Âu) với tám chân cho phép thần Odin di chuyển qua các chiều không gian. Thậm chí, trong văn hóa Celtic, ngựa còn hiện thân thành quái vật Kelpie – một thực thể nước nguy hiểm chuyên dìm chết con người, phản ánh nỗi sợ của nhân loại trước thiên nhiên hoang dã. Ngược lại, các biến thể thần thoại Việt Nam lại mang tính tổng hòa và thực tiễn. Hình tượng Ngựa sắt Thánh Gióng đã nêu ở trên còn có sự kết hợp giữa sức mạnh công nghệ (sắt, lửa) và linh khí của đất nước. Hình tượng Long Mã (đầu Rồng mình Ngựa) tiếp biến từ nguyên mẫu phương Đông và vào không gian Việt đã trở thành biểu tượng cho sự hợp nhất giữa không gian (Long/Rồng - quyền năng bầu trời) và thời gian (Mã/Ngựa - sự vận động mặt đất), đại diện cho thái bình thịnh trị và trật tự vũ trụ hài hòa.

Trong mỹ thuật thế giới, con ngựa thường được tạc trong tư thế lồng lên, chuyển động kịch liệt để thể hiện sức mạnh hoang dã. Ngược lại, ngựa trong di tích của người Việt thường ở tư thế đứng chầu, tĩnh tại và hiền hòa. Sự dịch chuyển từ trạng thái "chinh phục" sang "phục vụ", từ "cá nhân" sang "cộng đồng" cho thấy tâm thế của một nền văn hóa trọng sự hòa hợp, tôn trọng trật tự lễ nghi và các giá trị đạo đức hơn là sức mạnh và địa vị.

Dưới góc độ xã hội, ý nghĩa thành đạt của hình tượng ngựa tại Việt Nam cho thấy một quá trình tiếp biến văn hóa, chuyển dịch từ các chuẩn mực Á Đông sang những giá trị bản địa đặc thù, mang đậm triết lý về "sự trở về" và "lòng biết ơn". Điều này tạo nên một sự tương phản rõ nét khi đặt cạnh quan niệm của thế giới, vốn thường nhìn nhận ngựa như biểu tượng của sự "chinh phục" và "kiểm soát".

Do chịu ảnh hưởng từ văn hóa Trung Hoa, người Việt ưa chuộng điển tích "Mã đáo thành công". Tuy nhiên, thay vì nhấn mạnh vào tốc độ chinh phạt, biểu tượng này tại Việt Nam tập

Hạng thứ hai (Roi chạm vào lông mới chạy): Người phải tận mắt chứng kiến người khác chịu khổ đau hoặc qua đời mới thực sự bừng tỉnh và bắt đầu hành trì giáo pháp.

Hạng thứ ba (Roi đánh vào thịt mới chạy): Người chỉ khi thấy người thân thiết, ruột thịt của mình gặp nạn hoặc qua đời mới cảm nhận được sự vô thường và quyết tâm tu hành.

Hạng thứ tư (Roi đánh thấu xương mới chạy): Người chỉ khi chính bản thân lâm vào cảnh bệnh tật hiểm nghèo hay đau đớn cùng cực mới chịu tỉnh ngộ và tìm đường giải thoát.

trung vào kết quả viên mãn: con ngựa quay trở về báo tin thắng lợi, mang theo may mắn và tài lộc cho gia đình, cộng đồng. Đặc biệt, tính bản địa được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh con ngựa trong nghi thức "Vinh quy bái tổ". Tại đây, con ngựa không còn là phương tiện kỵ binh mà là biểu tượng của sự thành đạt trong học vấn và khoa bảng. Hình ảnh vị tân khoa cười ngựa về làng không chỉ tôn vinh cá nhân mà còn là hành động tri ân nguồn cội, tổ tiên – một giá trị đạo đức cốt lõi của không gian văn hóa Việt mà ít tìm thấy trong các biểu tượng ngựa phương Tây. Điển tích vua Quang Trung sai người cưỡi ngựa mang cành đào từ Thăng Long về Phú Xuân sau đại thắng năm 1789 đã biến con ngựa thành sứ giả của niềm vui dân tộc.

Sự thăng hoa triết lý này còn được nâng tầm qua hình tượng Long Mã (đầu rồng mình ngựa) phổ biến trong kiến trúc cung đình Huế và hệ thống đình, đền chùa Việt Nam (chủ yếu thời Nguyễn). Long Mã là một sự "hợp nhất biểu tượng": sự biến hóa của Rồng (trí tuệ, quyền năng vũ trụ) và sự vận động của Ngựa (thực thể mặt đất). Nó đại diện cho trí tuệ thánh nhân, điềm lành và sự vận động hài hòa của âm dương. Khác với hình tượng Nhân mã (Centaur) của thần thoại Hy Lạp – vốn đại diện cho sự xung đột gay gắt giữa phần người (lý trí) và phần thú (bản năng), Long Mã ở Việt Nam lại là biểu tượng của sự trật tự, ổn định và minh triết.

- Sự tiếp biến biểu tượng về tâm linh và kết nối thế giới

Ở chiều cạnh tâm linh, hình tượng con ngựa giữ vai trò phổ quát là thực thể trung gian kết nối các tầng thế giới. Tuy nhiên, sự tiếp biến biểu tượng này tại Việt Nam đã tạo nên những sắc thái riêng biệt, chuyển dịch từ tư duy huyền thoại sang thực hành tín ngưỡng và đạo đức cộng đồng, tạo nên một sự đối sánh thú vị với các nền văn hóa lớn trên thế giới.

Trong văn hóa phương Tây, như đã phân tích ở trên, ngựa là "kẻ dẫn độ linh hồn" và thường xuất hiện như một thực thể siêu nhiên mang tính dẫn dắt. Ở Việt Nam, sự bản địa hóa thành phương tiện cúng tế và hộ pháp khác với tính chất "hoang đường" hay "xuất thế" của thế giới, biểu tượng ngựa trong không gian tín ngưỡng Việt Nam lại mang tính thực tiễn và gắn liền với cấu trúc xã hội nông nghiệp.

Màu sắc của ngựa trong thần thoại cũng mang những mã ngôn ngữ riêng biệt. Nếu như trong văn hóa phương Tây, Bốn kỵ sĩ Khải huyền sử dụng màu sắc ngựa để dự báo về những thảm họa nhân loại, là cách sử dụng biểu tượng để răn đe và cảnh báo về sự tận thế. Trong không gian văn hóa Việt Nam, sắc thái màu sắc lại mang ý nghĩa uy linh và cân bằng. Cặp ngựa Bạch (Trắng) - Xích (Đỏ) xuất hiện phổ biến trong hệ thống đền miếu, đình làng không nhằm mục đích gieo rắc nỗi sợ hãi mà để tượng trưng cho sự hài hòa âm dương, sự luân chuyển của khí tiết và quyền năng bảo hộ của thần linh. Màu sắc ở đây phục vụ cho mục đích tôn giáo và giáo hóa đạo đức, tạo nên một không gian tâm linh ấm áp và tin cậy cho cộng đồng. Tín ngưỡng thờ Mẫu và Tứ phủ đã tiếp biến hình ảnh vật cưỡi của thần linh thành một hệ thống nghi lễ nghiêm ngặt. Việc quy định màu sắc ngựa thờ (ngựa đỏ cho Thiên phủ, ngựa trắng cho Thoải phủ, ngựa xanh cho Nhạc phủ, ngựa vàng cho Địa phủ) không chỉ đơn thuần là trang trí mà là sự mã hóa thế giới quan Ngũ hành vào không gian thờ tự. Con ngựa ở đây trở thành "vật chủ" để các Thánh ngự lâm, thể hiện sự giao hòa giữa con người và các lực lượng tự nhiên.

Tục đốt ngựa giấy (vàng mã) là một phong tục của người Việt nhằm cụ thể hóa quan niệm "trần sao âm vậy". Thay vì chỉ là kẻ dẫn lộ trừu tượng như phương Tây, ngựa giấy tại Việt Nam là phương tiện hiếu nghĩa. Việc gửi ngựa cho người quá cố hay thần linh phản ánh tấm lòng chăm lo, sự tiếp nối sợi dây liên lạc giữa thế giới hiện hữu và thế giới tổ tiên, biến một biểu tượng tâm linh thành một hành động thực hành đạo đức.

Đặc biệt, hình tượng Thần Bạch Mã tại Thăng Long là sự thăng hoa của biểu tượng ngựa từ vật cưỡi tâm linh trở thành vị Thần Thành hoàng bảo hộ cương vực. Sự tích ngựa trắng hiển linh chỉ lối cho vua Lý Thái Tổ xây thành không chỉ là một huyền thoại về sự dẫn dắt địa lý, mà còn là sự khẳng định tính thiêng của đất đai dân tộc.

Sự đối sánh cho thấy một quy luật tiếp biến rõ rệt: Nếu thế giới coi ngựa là phương tiện để vượt thoát (bay lên trời, xuống âm phủ, hoặc đi tìm giác ngộ) thì người Việt lại dùng ngựa để kết nối và củng cố (kết nối với tổ tiên, củng cố trật tự tín ngưỡng làng xã). Con ngựa Việt

Nam trong tâm linh ít mang sắc thái u uất của cõi chết hay sự kỳ ảo của thần thoại đơn thuần, mà thay vào đó là sự tôn nghiêm, tĩnh tại và đầy tính nhân văn, gắn liền với mong cầu về sự hanh thông, ổn định cho đời sống thực tại.

Có thể khẳng định, biểu tượng ngựa tại Việt Nam là một cấu trúc văn hóa đa tầng. Nếu lớp vỏ bên ngoài mang dáng dấp của những giá trị phổ quát nhân loại, thì phần cốt lõi bên trong lại chứa đựng những mạch nguồn nội sinh mạnh mẽ. So với thế giới, hình tượng con ngựa trong văn hóa Việt Nam đã được gạn đục khơi trong để loại bỏ sắc thái hoang dã, xâm lược, từ đó bồi đắp thêm tính nhân văn và thực tiễn. Nó là sự hòa quyện độc đáo giữa sức mạnh vệ quốc hào hùng và sự tĩnh tại tôn nghiêm, là minh chứng cho bản lĩnh của một dân tộc luôn biết cách nội sinh hóa các giá trị nhân loại để làm giàu thêm bản sắc văn hóa của chính mình.

5. Thảo luận

Từ kết quả nghiên cứu, có thể mở rộng thảo luận theo một số bình diện lý luận và thực tiễn nhằm làm rõ hơn giá trị của biểu tượng ngựa trong cấu trúc văn hóa Việt Nam cũng như những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu và bảo tồn di sản hiện nay.

Trước hết, hình tượng ngựa cho thấy một mô hình tiếp biến văn hóa mang tính chọn lọc và định hướng đạo đức, thay vì tiếp nhận nguyên vẹn các giá trị biểu tượng toàn cầu. Nếu trong nhiều nền văn hóa lớn, biểu tượng ngựa gắn chặt quyền lực và sự chinh phục, thì trong không gian văn hóa Việt Nam, biểu tượng này được tái cấu trúc theo hướng “phi quyền lực hóa”, chuyển từ biểu trưng thống trị sang biểu trưng phụng sự cộng đồng. Điều này phản ánh một đặc điểm căn cốt của văn hóa Việt: xu hướng điều tiết và thuần hóa các biểu tượng mạnh để phù hợp với hệ giá trị nông nghiệp, coi trọng ổn định xã hội, đạo lý và sự hài hòa hơn là tinh thần cạnh tranh hay bành trướng.

Từ góc nhìn biểu tượng học, có thể xem đây là quá trình đạo đức hóa biểu tượng ngoại sinh. Ngựa - vốn đại diện cho bản năng, tốc độ và sức mạnh – khi đi vào không gian văn hóa Việt đã được “làm chậm”, “làm mềm” và “làm thiêng”, để trở thành một thực thể trung gian mang chức năng bảo hộ, dẫn dắt và kết nối. Sự chuyển dịch này cho thấy khả năng tái định nghĩa ý nghĩa của biểu tượng dựa trên nền tảng đạo đức cộng đồng, thay vì dựa trên ý chí cá nhân hay quyền lực chính trị. Đây là một đóng góp quan trọng của văn hóa Việt vào kho tàng biểu tượng học nhân loại, khi đề xuất một mô hình tiếp biến không đối kháng mà dung hòa.

Thứ hai, hình tượng ngựa Việt Nam gợi mở một triết lý biểu tượng thiên về hợp nhất hơn là đối lập. Trong nhiều hệ thống tư duy phương Tây, con ngựa thường hiện diện như một lực lượng cần được kiểm soát - biểu trưng cho sự giằng xé giữa lý trí và bản năng. Ngược lại, trong biểu tượng Long Mã hay ngựa thờ trong không gian tín ngưỡng Việt, ngựa không còn là “đối tượng cần chế ngự” mà là thành tố cấu thành trật tự vũ trụ hài hòa. Sự hợp nhất giữa yếu tố linh thiêng và yếu tố thể tục, giữa chuyển động và tĩnh tại, cho thấy tư duy biểu tượng của người Việt hướng đến cân bằng hơn là chinh phục. Điều này góp phần lý giải vì sao biểu tượng ngựa trong di sản Việt Nam thường mang dáng vẻ hiền hòa, ít kịch tính nhưng bền bỉ và ổn định về mặt ý nghĩa.

Thứ ba, từ phương diện di sản học, nghiên cứu đặt ra vấn đề khoảng cách ngày càng lớn giữa ý nghĩa biểu tượng truyền thống và cách tiếp nhận đương đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế sáng tạo, hình tượng ngựa dễ bị giản lược thành yếu tố trang trí, phong thủy hoặc biểu trưng thương mại, làm mờ nhạt các lớp nghĩa văn hóa - đạo đức vốn được bồi đắp qua lịch sử. Nếu thiếu sự hiểu biết sâu về cấu trúc biểu tượng nội sinh, nguy cơ “ngoại lai hóa ngược” di sản là hoàn toàn có thể xảy ra, khi các giá trị bản địa bị lấn át bởi những diễn giải vay mượn, phi lịch sử.

Do đó, việc nghiên cứu biểu tượng ngựa không nên dừng lại ở bình diện nhận diện hay mô tả, mà cần được đặt trong chiến lược bảo tồn và phát huy di sản mang tính diễn giải. Việc giải mã đúng các lớp nghĩa biểu tượng sẽ giúp định hướng cách trưng bày, giáo dục và khai thác di sản một cách có chiều sâu, tránh tình trạng đồng nhất hóa biểu tượng ngựa Việt Nam với các mô hình ngoại lai phổ biến trong văn hóa đại chúng toàn cầu.

Cuối cùng, từ bình diện lý luận rộng hơn, trường hợp biểu tượng ngựa cho thấy năng lực nội sinh hóa biểu tượng toàn cầu là một tiêu chí quan trọng để đánh giá bản lĩnh văn hóa của một cộng đồng. Văn hóa Việt Nam không phủ nhận hay đối kháng với các giá trị ngoại sinh, mà tái cấu trúc chúng theo nhu cầu tinh thần và đạo lý riêng. Đây là một gợi ý quan trọng cho các nghiên cứu tiếp theo về tiếp biến văn hóa, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức trong việc bảo tồn bản sắc giữa dòng chảy hội nhập mạnh mẽ hiện nay

6. Kết luận

Hành trình biến chuyển của biểu tượng ngựa từ không gian toàn cầu vào đời sống văn hóa Việt Nam là minh chứng cho bản lĩnh tiếp biến và sức sống nội sinh mạnh mẽ của dân tộc. Vượt lên trên những lớp nghĩa phổ quát về quyền lực và sự chinh phạt, người Việt đã thực hiện một cuộc “thanh lọc” biểu tượng để kiến tạo nên những giá trị nhân văn riêng biệt. Con ngựa kỵ binh của thế giới khi thâm nhập vào tâm thức Việt đã được chuyển hóa thành thực thể linh thiêng của tinh thần vệ quốc, thành nhịp cầu hiểu nghĩa kết nối đạo lý tổ tiên và là hiện thân cho khát vọng về một trật tự vũ trụ hài hòa, minh triết.

Việc nhận diện chiều sâu của biểu tượng ngựa từ văn hóa thế giới đến không gian văn hóa Việt không chỉ có ý nghĩa về mặt khoa học mà còn là cơ sở để định vị bản sắc dân tộc trước làn sóng hội nhập. Những thông điệp về sự hanh thông và thái bình thịnh trị gửi gắm qua hình tượng con ngựa sẽ mãi là mạch ngầm văn hóa, nhắc nhở về năng lực chọn lọc và sáng tạo của cha ông trong việc làm giàu thêm tâm hồn dân tộc giữa dòng chảy văn minh nhân loại.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu trong nước

- [1]. Trần Lâm Biền (2018), *Thế giới biểu tượng trong di sản văn hóa*, Nxb Hồng Đức
- [2]. Trần Lâm Biền (2018), *Đồ thờ trong di tích của người Việt*, Nxb Thế giới.
- [3]. Nguyễn Du Chi (2003), *Hoa văn Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật.
- [4]. Đào Hữu Đạt, (2024), *"Hình tượng con ngựa trong điêu khắc đá thời Lê Trung Hưng"*, Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật, số 48.
- [5]. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Huê (1995), *Kho tàng thần thoại Việt Nam*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [6]. Trần Văn Sáng, (2014), *Biểu tượng ngựa, từ văn hóa đến biểu trưng ngôn ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, Số 1 (219).

Tài liệu nước ngoài

- [7]. Hannah von Heidegger (2019), *Galloping onto the Throne: Queen Elizabeth I and the Symbolism of the Horse*, University of California, San Diego, Department of History, Undergraduate Honors Thesis, Advisor: Ulrike Strasser, Ph.D.
- [8]. Jean Chevalier, Alain Cheerbrant (2014), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.
- [9]. Jung, C. G. (1959), *The archetypes and the collective unconscious* (Các mẫu gốc và vô thức tập thể), Princeton University Press.

Tài liệu trang Website

- [10]. Huệ Trân, (2022), *Con ngựa của Thái tử Tất Đạt Đa*, Cổng thông tin Phật giáo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam: <https://phatgiao.org.vn/con-ngua-cua-thai-tu-tat-dat-da-d51619.html>
- [11]. Horsing Around in Art - From the Fort Wayne Museum of Art, <https://fwmoa.blog/2024/12/05/horsing-around-in-art/>
- [12]. Horses in art - Wikipedia, https://en.wikipedia.org/wiki/Horses_in_art
- [13]. The Powerful Story of the Horse as Seen in Art - Seaside Art Gallery, <https://seasideart.com/blogs/blog/the-powerful-story-of-the-horse-as-seen-in-art>

BIỂU TƯỢNG NGỰA TỪ VĂN HÓA THỂ GIỚI ĐẾN KHÔNG GIAN VĂN HÓA VIỆT NAM

Lê Thị Thảo

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Email: lethithao@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/11/2025
Ngày phản biện: 16/11/2025
Ngày tác giả sửa: 28/11/2025
Ngày duyệt đăng: 15/01/2026
Ngày phát hành: 20/01/2026

Bài viết nghiên cứu về sự vận động và tiếp biến của biểu tượng ngựa từ bối cảnh văn hóa thể giới vào không gian văn hóa Việt Nam. Tác giả phân tích sự khác biệt cốt lõi trong quan niệm về hình tượng ngựa giữa các nền văn hóa. Nếu ở phương Tây và các nền văn hóa du mục, ngựa thiên về biểu tượng của quyền lực quân sự, sự chinh phục và đẳng cấp kỵ sĩ, thì trong không gian Việt, biểu tượng này đã trải qua quá trình bản địa hóa sâu sắc. Từ một "chiến mã" vệ quốc gắn với tinh thần nội sinh và các anh hùng dân tộc, ngựa đã bước vào không gian tâm linh của cư dân nông nghiệp, trở thành "linh vật" trong tín ngưỡng dân gian và hệ thống di sản mỹ thuật đình, đền, chùa... mang tính tĩnh tại, hiền hòa. Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ bản lĩnh của dân tộc Việt trong việc nội sinh hóa các giá trị nhân loại, góp phần làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc trong dòng chảy di sản nhân loại.

Từ khóa: Con ngựa; Di sản văn hóa; Tiếp biến văn hóa.